TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:08 /2019/KDTM-ST.
Ngày: 07 – 6 – 2019.
V/v tranh chấp "hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM –TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Bà Lê Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa bà: Bùi Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 65/2018/TLST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đ, Quận Hoàn K, Thành Phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh K. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Ngô Anh T; chức vụ: Phó Giám đốc - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh K (Văn bản ủy quyền số 594, ngày 28/6/2017). Có mặt.

Địa chỉ: Số 92, đường Trần Ph, thành phố K, tỉnh K.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Trúc Q, sinh năm 1989; Địa chỉ cũ: Số 309 U rê, phường Duy T, thành phố K, tỉnh K; địa chỉ mới: Hẻm số 141, đường Võ Nguyên G, tổ 03, phường Duy T, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Phạm Thế D, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Hẻm số 141, đường Võ Nguyên G, tổ 03, phường D, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2018 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày.

Ngày 09/02/2018 bà Phạm Trúc Q đã ký kết với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh K – Phòng giao dịch Hòa B (gọi tắt là ngân hàng) hợp đồng tín số 77/2018-HĐTDCV/NHCT510 để vay số tiền 380.000.000 đồng, mục đích vay: Kinh doanh nông sản; thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất cho vay 8%/năm, lãi suất quá hạn 14.25%/năm, ngày giải ngân 09/02/2018. Ngày đến hạn 09/8/2018.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh Phạm Thế D đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 917/HDTC ngày 11/8/2017 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Hẻm số 141 Võ Nguyên Giáp, tổ 03, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K thuộc thửa đất số 503, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 186169, do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 31/12/2014 mang tên Phạm Thế D;

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Phạm Trúc Q đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi. Từ ngày 09/02/2018 đến nay chị Q chưa thanh toán gốc, lãi cho ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Phạm Trúc Q trả số tiền 441.518.356 đồng (*Bốn trăm bốn mốt triệu năm trăm mười tám nghìn ba trăm năm sáu đồng*), trong đó, nợ gốc 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 16.699.178 đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy tám đồng*), lãi quá hạn tính đến ngày 07/6/2019 : 44.803.562 đồng (*Bốn mươi bốn triệu tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm sáu hai đồng*) và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 08/6/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp chị Phạm Trúc Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm của anh Phạm Thế D để thu hồi nợ.

*Bị đơn chị Phạm Trúc Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thế D đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên như sau:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; các Điều 280, 299, 322, 323, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: Buộc bà Phạm Trúc Qh phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là số tiền 441.518.356 đồng, trong đó, nợ gốc 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 16.699.178 đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy tám đồng*), lãi quá hạn tính đến ngày 07/6/2019 : 44.803.562 đồng (*Bốn mươi bốn triệu tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm sáu hai đồng*) và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 08/6/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp chị Q không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm của anh Phạm Thế D để thu hồi nợ.

Bị đơn phải chịu án phí , chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phạm Trúc Q trú tại Hẻm 141, đường Võ Nguyên G, tổ 03, phường Duy T, thành phố K, tỉnh K nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh K là đúng theo quy định tại 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với bị đơn chị Phạm Trúc Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thế D đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Việc Chị Q và anh D vắng mặt đồng nghĩa với từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu chị Phạm Trúc Q trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/6/2019) là 441.518.356 đồng và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 08/6/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.2] Xét thấy: Hợp đồng tín dụng 77/2018-HĐTDCV/NHCT510 là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi. Việc xác lập Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh K – Phòng giao dịch Hòa B với chị Phạm Trúc Q và Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với anh Phạm Thế D là tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của pháp luật, thỏa mãn Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Phạm Trúc Q không trả bất cứ khoản gốc và lãi nào cho ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 280, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị Phạm Trúc Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh K số tiền 441.518.356 đồng (*Bốn trăm bốn mốt triệu năm trăm mười tám nghìn ba trăm năm sáu đồng*), trong đó, nợ gốc 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 16.699.178 đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy tám đồng*), lãi quá hạn tính đến ngày 07/6/2019 : 44.803.562 đồng (*Bốn mươi bốn triệu tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm sáu hai đồng*) và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 08/6/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tài sản anh Phạm Thế D thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Hẻm 141 Võ Nguyên G, tổ 03, phường Duy T, thành phố K, tỉnh K , thuộc thửa đất số 503, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 186169, do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 31/12/2014 mang tên ông Phạm Thế D; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 917/HDTC ngày 11/8/2017. Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được biết tài sản trên đang do anh Phạm Thế D quản lý và sử dụng, không có tranh chấp và không phát sinh người thứ ba liên quan. Anh Phạm Thế D có cam kết nhận bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho chị Phạm Trúc Q nhưng anh D không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, vi phạm khoản 2 Điều 335, khoản 2 Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nếu chị Phạm

Trúc Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm của anh Phạm Thế D đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 299, 317, 322, 323 Bộ luật dân sự.

[3]Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Phạm Trúc Q phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền trên nên buộc chị Q phải trả lại cho Ngân hàng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

[4] Về án phí: Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được chấp nhận nên bị đơn chị Phạm Trúc Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh K tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên**,***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 280, 299, 317, 322, 323, 357, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, đơn đề ngày 03/10/2018.

-Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Phạm Trúc Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh K số tiền 441.518.356 đồng (*Bốn trăm bốn mốt triệu năm trăm mười tám nghìn ba trăm năm sáu đồng*), trong đó, nợ gốc 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 16.699.178 đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy tám đồng*), lãi quá hạn tính đến ngày 07/6/2019 : 44.803.562 đồng (*Bốn mươi bốn triệu tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm sáu hai đồng*)

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: *Kể từ ngày 08/6/2019 chị Phạm Trúc Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh*

toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà chị Phạm Trúc Q không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng lô đất và tài sản gắn liền với đất tại Hẻm 141 Võ Nguyên G, tổ 03, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh K , thuộc thửa đất số 503, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 186169, do Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum cấp ngày 31/12/2014 mang tên ông Phạm Thế D; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 917/HDTC ngày 11/8/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

-Về chi phí tố tụng**:** Căn cứ Điều 157; Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc chị Phạm Trúc Q hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh K 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) .

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh K có đơn yêu cầu thi hành mà chị Phạm Trúc Q không trả lại số tiền chi phí tố tụng nêu trên cho Ngân hàng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Trúc Q phải chịu 21.660.734 đồng (*Hai mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi nghìn bảy trăm ba tư đồng*). .

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh K 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002454 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2019) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum**;**
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

MAI THỊ THU